

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Huệ

Các Hôi thăm nhân dân: 1. Bà Trinh Thi Yến

2. Bà Nguyễn Thị Minh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa:

Bà: Trinh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Xóm 1, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

* Bị đơn: Ông Trần Văn C - Sinh năm: 1965

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Xóm 4, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/5/2020 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: bà và ông C kết hôn với nhau vào năm 1986, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga T cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Bà và ông C đã sống ly thân 14 năm. Đến năm 2016, ông C bỏ nhà và địa phương đi đâu làm gì bà không biết. Bà và gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của ông C, nên bà đã làm đơn đề nghị Tòa tuyên bố ông C mất tích. Ngày 06/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn đã mở phiên họp ra Quyết định số 01/2020/QĐDS-ST, tuyên bố ông Trần Văn C mất tích. Nay bà B làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C theo quy định; về con: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn C, sinh năm

1987 và Trần Ngọc T, sinh ngày 20/7/2002. Hiện tại cháu C đã trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết, cháu T đang sinh sống cùng bà, bà đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: vợ chồng không có tài sản chung nên bà không yêu cầu gì.

Đối với các văn bản tố tụng, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú cuối cùng của ông C, nhưng ông C không có mặt để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Mặc dù ông C đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bà B vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn ông C theo quy định của pháp luật; về con: Do cháu T đã đến tuổi trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa giải quyết; về tài sản: bà B không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với bị đơn ông C được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị B trình bày: bà và ông Trần Văn C kết hôn vào năm 1986. Tuy nhiên, về ngày tháng kết hôn bà không nhớ; về giấy tờ kết hôn thì bà không còn lưu giữ được. Theo biên bản xác minh tại UBND xã Nga T thì sổ sách, hồ sơ lưu giữ thông tin kết hôn tại UBND xã từ năm 1986 trở về trước không

còn. Vì vậy, không đủ cơ sở để xác định bà B và ông C đã được UBND xã Nga T cấp đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào điểm a Mục 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 và mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/1/2000 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà B, ông C được xác lập vào năm 1986. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn ông C của bà B được áp dụng Luật HNGĐ năm 2000 để giải quyết.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân 14 năm. Đến năm 2016, ông C bỏ nhà và địa phương đi đâu, làm gì gia đình bà không biết. Ngày 06/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định tuyên bố ông C mất tích và Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Bà B đề nghị ly hôn ông C nên chấp nhận cho bà B được ly hôn ông C là phù hợp quy định.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn C, sinh năm 1987 và Trần Ngọc T, sinh ngày 20/7/2002. Hiện tại cháu C đã trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết. Cháu T đang sinh sống cùng bà, bà đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, đến ngày xét xử cháu T đã đủ 18 tuổi, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] Về tài sản: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 89 LHNGĐ năm 2000; điểm a mục 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn của bà Nguyễn Thị B, cho bà B được ly hôn ông Trần Văn C.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0010771 ngày 28/5/2020 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, bà B đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyền kháng cáo: Bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Huệ